TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2024
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình
Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2023/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST – HNGĐ ngày 29/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1977.*

Địa chỉ thường trú: Số 57, đường Bình Lục – L Phú, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978.*

Địa chỉ thường trú: Số 57, đường Bình Lục – L Phú, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ cứ trú hiện nay: ấp 2, xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Nguyễn Quốc H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Yến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc H và Bà Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2000 ngày 25/12/2000 vào sổ quyền số 01/2000.

Về mặt tình cảm, thời gian đầu cả hai sinh sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng tháng 02/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vả nhau, nguyên nhân do đam mê vào cờ bạc, nợ nần, nhiều lần ông H phải đứng ra trả nợ, vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ, con cái không có đầy đủ cha, mẹ nên ông H và bà L đã nhiều lần ngồi lại, tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, từ đó bất đồng quan điểm sống, cả hai đã từ lâu không còn tiếng nói chung; nên cũng sống ly thân với nhau từ đó; bà L bỏ về nhà mẹ ruột ở Bình Lợi sinh sống.

Nay nhận thấy tình cảm với chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 28/4/2006 và cháu Nguyễn Trúc L, sinh ngày 02/12/2016. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L, còn cháu H đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời cũng không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện để yêu cầu nuôi cháu L ông cam kết đủ điều kiện vì hiện tại ông đang có công việc ổn định và có nhà cửa đầy đủ để chăm sóc và lo lắng cho con cái.

Về tài sản chung: Ông H khai hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Lời khai của bị đơn Bà Nguyễn Thị L:* Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp cũng như địa chỉ cư trú theo kết quả trả lời xác minh về thông tin cư trú của chính quyền địa phương, nhưng bà L vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không có văn bản giải trình, không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa. Vì vậy, không có lời trình bày.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:*

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Quốc H được ly hôn với bà Nguyễn Thị L vì từ khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn, dù đã cố gắng khắc

phục để sống chung nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Ông H và bà L có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 28/4/2006 và cháu Nguyễn Trúc L, sinh ngày 02/12/2016. Do cháu Nguyễn Trúc L đã có bản tự khai thể hiện nguyện vọng muốn được ở với ông H, đồng thời ông H cũng thể hiện đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cháu L; do đó chấp nhận cho yêu cầu của ông L được nuôi dưỡng cháu L; đối với cháu Nguyễn Phúc H do đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết..

Về cấp dưỡng, tạm thời bà Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Khi ly hôn, ông Nguyễn Quốc H khai hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Về nợ chung: Khi ly hôn, ông Nguyễn Quốc H xác định cả hai vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bà L, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: ông Nguyễn Quốc H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: ông Nguyễn Quốc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ trong đơn khởi kiện và biên bản xác minh tại Công an xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu cung cấp thông tin bà Nguyễn Thị L hiện đang sinh sống thường xuyên tại địa chỉ: *ấp 2, xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai*, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ông Nguyễn Quốc H và Bà Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2000 ngày 25/12/2000 vào sổ quyền số 01/2000, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Quá trình tố tụng vụ án ông L xác định giữa ông và bà L phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Về mặt tình cảm, thời gian đầu cả hai sinh sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng tháng 02/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vả nhau, nguyên nhân do đam mê vào cờ bạc, nợ nần, nhiều lần ông H phải đứng ra trả nợ, vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ, con cái không có đầy đủ cha, mẹ nên ông H và bà Loong đã nhiều lần ngồi lại, tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, từ đó bất đồng quan điểm sống, cả hai đã từ lâu không còn tiếng nói chung; nên cũng sống ly thân với nhau từ đó; bà L bỏ về nhà mẹ ruột ở Bình Lợi sinh sống. Căn cứ vào việc cả hai đã sống ly thân nhiều năm, không có sự tương tác trong quan hệ hôn nhân, không có trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau, mặc ai người nấy sống, điều đó thể hiện lời trình bày của ông H là có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy, hôn nhân giữa cả hai đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc H xin ly hôn với bà Nguyễn Thị L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Ông H và bà L có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 28/4/2006 và cháu Nguyễn Trúc L, sinh ngày 02/12/2016. Ly hôn Ông H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "2. *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Do cháu Trúc L có bản tự khai thể hiện nguyện vọng muốn được ở với ông H, đồng thời ông H cũng thể hiện đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt đối với cháu L; bà L không lên Tòa làm việc, không ghi nhận được nguyện vọng của bà L về việc nuôi con chung, nhưng để đảm bảo cuộc sống của cháu L được ổn định, việc xem xét để ai trực tiếp nuôi con cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho ông H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014. Cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Hải, thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Nguyễn Quốc H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị L đồng thời bà L cũng không lên Tòa làm việc và không ghi nhận được nguyện vọng của bà L nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Quốc H khai về tài sản chung hai vợ chồng không có; Về nợ chung, cũng khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do bà Nguyễn Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bà L, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xát giải quyết.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm

2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Quốc H được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

1.2. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Trúc L, sinh ngày 02/12/2016 cho ông Nguyễn Quốc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trợ. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn phúc H đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: ông Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005630 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông Nguyễn Quốc H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Thị Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh;
- VKSND huyện VC;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;(

UBNDxã Bình Hòa Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2016 ngày) 4/02/2016.
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Mì **Nguyễn Ngọc Anh** **Đồng Thị Hồng**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 06/12/2021,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Anh.

Ông Lê Văn Mì.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2021/QĐST – HNGĐ ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1974.
- Bị đơn: Ông Trương Thành L, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Nguyễn Thị Thương có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Trương Thành L vắng mặt không có lý do).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: Bà Nguyễn Thị Thương khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Thành L; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Thương là nguyên đơn còn ông L là bị đơn trong vụ án.

- Ông Trương Thành L có địa chỉ cư trú hiện nay tại số: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L tại địa chỉ này, nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa. Ngoài ra, bà Thương cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 06/12/2021. Do đó, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà Thương và ông L.

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Bình.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: Xét yêu cầu ly hôn của bà Thương là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng, trong quá trình chung sống bà Thương xác nhận cả hai chỉ hạn phúc được thời gian đầu, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn hạnh phúc nguyên nhân là ông L thiếu trách nhiệm

với gia đình và vợ con, dẫn đến cả hai không tôn trọng và không còn yêu thương giữa chồng với vợ, cuộc sống và mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Biên bản xác minh UBND xã Thạnh Phú thì giữa bà Nguyễn Thị Thương và ông Trương Thành L có đăng ký kết hôn theo quy định, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra như thề nào thì do các đương sự không yêu cầu hòa giải nên địa phương không nắm. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh của Công an xã Thạnh Phú thì hiện nay ông Trương Thành L vẫn đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, trong quá trình làm việc, mặc dù ông L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần, nhưng đều cố ý vắng mặt, thể hiện việc không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, phó mặc cho bà Nguyễn Thị Thương tiến hành thủ tục ly hôn tại Tòa án. Như vậy, có thể thấy việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa ông L và bà Thương là có thật, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thương được ly hôn với ông Trương Thành L.

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Anh.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: Không xem xét giải quyết do con đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Mì.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: bà Thương xác định tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận; Nợ chung vợ chồng bà không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do ông Trương Thành L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông L, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Anh.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: Bà Nguyễn Thị Thương phải nộp 300.000đ án phí.

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Anh.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: Bà Nguyễn Thị Thương và ông Trương Thành L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Mì.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 06 tháng 12 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mì Nguyễn Ngọc Anh Đồng Thị Hồng

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Thị Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**